|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 22:

TIẾT 24:

BÀI 26 + 27: TRỒNG CÂY RỪNG – CHĂM SÓC RỪNG SAU KHI TRỒNG

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 A. TRỒNG CÂY RỪNG

 1. Thời vụ trồng rừng:

 - Thời vụ trồng rừng thay đổi theo vùng khí hậu.

- Mùa rừng chính ở các tỉnh miền Bắc là mùa thu và mùa xuân. Miền Trung và miền Nam là vào mùa mưa.

 2. Làm đất trồng cây:

 a. Kích thước hố: Bao gồm 2 loại

 - Loại 1: 30cm x 30cm x 30cm.

 - Loại 2: 40cm x 40cm x 40cm.

 b. Kĩ thuật đào hố: Theo các thứ tự sau:

 - Vạc cỏ và đào hố, lớp đất màu để riêng bên miệng hố.

 - Lấy lớp đất màu đem trộn với phân bón. Lấp đất đã trộn phân bón vào hố.

- Cuốc thêm đất, đập nhỏ và nhặt sạch cỏ rồi lấp đầy hố.

 3. Trồng rừng bằng cây con: Có 2 cách:

 - Trồng cây con có bầu.

 - Trồng cây con rễ trần.

 Ngoài ra người ta còn trồng rừng bằng cách gieo hạt trực tiếp vào hố.

 Qui trình kĩ thuật trồng rừng bằng cây con gồm các bước:

 - Tạo lỗ trong hố.

 - Đặt cây vào lỗ trong hố đất.

 - Lấp đất.

 - Nén chặt.

 - Vun đất kín gốc cây.

B. CHĂM SÓC RỪNG SAU KHI TRỒNG

 1. Thời gian và số lần chăm sóc:

 a. Thời gian:

 Sau khi trồng cây gây rừng từ 1 đến 3 tháng phải tiến hành chăm sóc ngay, chăm sóc liên tục trong 4 năm.

 b. Số lần chăm sóc:

 Năm thứ nhất và năm thứ 2, mỗi năm chăm sóc 2 đến 3 lần. Năm thứ ba và năm thứ 4, mỗi năm chăm sóc 1 đến 2 lần.

 2. Những công việc chăm sóc rừng sau khi trồng:

 - Làm rào bảo vệ.

 - Phát quang.

 - Làm cỏ.

 - Xới đất, vun gốc.

 - Bón phân.

 - Tỉa và dặm cây.

II. BÀI TẬP

1. HS làm trả lời câu hỏi 1🡪 4/trang 68 SGK
2. HS làm trả lời câu hỏi 1, 2/trang 70 SGK

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 22:

TIẾT 25:

BÀI 28 + 29: KHAI THÁC RỪNG VÀ BẢO VỆ RỪNG

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 A. KHAI THÁC RỪNG

1. Các loại khai thác rừng:

 Có 3 loại khai thác rừng:

 - Khai thác trắng là chặt hết cây trong một mùa chặt, sau đó trồng lại rừng.

 - Khai thác dần là chặt hết cây trong 3 đến 4 lần chặt trong 5 đến 10 năm để tận dụng rừng tái sinh tự nhiên.

 - Khai thác chọn là chọn chặt cây theo yêu cầu sử dụng và yêu cầu tái sinh tự nhiên của rừng.

2. Điều kiện áp dụng khai thác rừng hiện nay ở Việt Nam:

 - Chỉ được khai thác chọn chứ không được khai thác trắng.

 - Rừng còn nhiều cây gỗ to có giá trị kinh tế.

 - Lượng gỗ khai thác chọn < 35% lượng gỗ của khu vực khai thác.

 B. BẢO VỆ RỪNG

 1. Ý nghĩa: Bảo vệ và khoanh nuôi rừng có ý nghĩa sinh tồn đối với cuộc sống và sản xuất của con người.

 2. Bảo vệ rừng:

 a. Mục đích:

 - Giữ gìn tài nguyên thực vật, động vật, đất rừng hiện có.

 - Tạo điền kiện thuận lợi để rừng phát triển, cho sản lượng cao và chất lượng tốt nhất.

 b. Biện pháp: Gồm có:

 - Ngăn chặn và cấm phá hoại tài nguyên rừng, đất rừng.

 - Kinh doanh rừng, đất rừng phải được Nhà nước cho phép.

 - Chủ rừng và Nhà nước phải có kế hoạch phòng chống cháy rừng .

 3. Khoanh nuôi phục hồi rừng:

 a. Mục đích: Tạo hoàn cảnh thuận lợi để những nơi đã mất rừng phục hồi và phát triển thành rừng có sản lượng cao.

 b. Đối tượng khoanh nuôi:

 - Đất lâm nghiệp đã mất rừng nhưng còn khả năng phục hồi thành rừng gồm có:

 - Đất đã mất rừng và nương rẫy bỏ hoang con tính chất đất rừng.

 - Đồng cỏ, cây bụi xen cây gỗ, tầng đất mặt dày trên 30 cm.

 c. Biện pháp:

 - Bảo vệ: cấm chăn thả đại gia súc, …

 - Phát dọn dây leo, bụi rậm, cuốc xới đất tơi xốp quanh gốc cây.

 - Tra hạt hay trồng cây vào nơi đất có khoảng trống lớn.

II. BÀI TẬP

1. HS làm trả lời câu hỏi 1, 2/trang 74 SGK
2. HS làm trả lời câu hỏi 1 🡪 3/trang 77 SGK

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 23:

TIẾT 26:

BÀI 30 + 31: VAI TRÒ CỦA NGÀNH CHĂN NUÔI VÀ GIỐNG VẬT NUÔI

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 1. Vai trò của chăn nuôi:

 - Cung cấp thực phẩm (thịt, trứng, sữa,…).

 - Cung cấp sức kéo (trâu, bò, ngựa,…).

 - Cung cấp phân bón (phân chuồng).

 - Cung cấp nguyên liệu cho ngành sản xuất khác (thuộc da, mỹ nghệ,…).

2. Vai trò của giống vật nuôi trong chăn nuôi: Giống vật nuôi có ảnh hưởng quyết định đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Muốn chăn nuôi có hiệu quả phải chọn giống vật nuôi phù hợp.

Ví dụ: đánh giá chất lượng sữa dựa vào hàm lượng mỡ trong sữa. Tỉ lệ mỡ trong sữa của giống trâu Mu ra là 7,9%, giống bò Hà Lan là 3,8 – 4%, giống bò Sin là 4 – 4,5%.

II. BÀI TẬP

HS làm trả lời câu hỏi 1/trang 82 và câu hỏi 3/trang 85 SGK

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 23:

TIẾT 27:

BÀI 32 + 33 + 34: CHỌN LỌC GIỐNG VẬT NUÔI

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 1. Khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi:

 a. Sự sinh trưởng: Là sự tăng về khối lượng, kích thước của các bộ phận cơ thể.

 b. Sự phát dục: Là sự thay đổi về chất của các bộ phận trong cơ thể.

 2. Các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi: Các đặc điểm về di truyền và các đk ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi. Nắm được các yếu tố này con người có thể điều khiển sự phát triển của vật nuôi theo ý muốn.

 3. Khái niệm về chọn giống vật nuôi: Căn cứ vào mục đích chăn nuôi, lựa chọn những vật nuôi đực và cái giữ lại làm giống gọi là chọn giống vật nuôi.

 4. Một số phương pháp chọn giống vật nuôi:

 a. Phương pháp chọn lọc giống hàng loạt: Là phương pháp dựa vào các tiêu chuẩn định trước và sức sản xuất của từng vật nuôi trong đàn để chọn ra những cá thể tốt nhất làm giống.

 b. Phương pháp kiểm tra năng suất: Các vật nuôi được nuôi dưỡng trong cùng một điều kiện “chuẩn”trong cùng một thời gian rồi dựa vào kết quả đạt được đem so sánh với những tiêu chuẩn định trước lựa những con tốt nhất giữ lại làm giống.

 5 .Chọn phối:

 a. Thế nào là chọn phối: Chọn con đực đem ghép đôi với con cái cho sinh sản theo mục đích chăn nuôi

 b. Các phương pháp chọn phối: Tùy theo mục đích của công tác giống mà có phương pháp chọn phối khác nhau.

 - Muốn nhân lên nuôi giống tốt thì ghép con đực với con cái trong cùng một giống.

 - Muốn lai tạo thì chọn ghp con đực với con cái khác giống nhau

 - Chọn phối cùng giống là chọn và ghép nối con đực với con cái của cùng 1 giống.

 - Chọn phối khác giống là chọn và ghép nối con đực và con cái thuộc giống khác nhau.

II. BÀI TẬP

HS làm trả lời câu hỏi 1/trang 88, câu hỏi 1/trang 90 và câu hỏi 1/trang 92 SGK

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 24:

TIẾT 28:

BÀI 35 + 36: THỰC HÀNH NHẬN BIẾT MỘT SỐ GIỐNG GÀ, GIỐNG LƠN QUA QUAN SÁT NGOẠI HÌNH

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 1. Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

 - Ảnh hoặc tranh vẽ, mô hình, vật nhồi hoặc vật nuôi thật các giống gà Ri, gà Lơ go, gà Đông Cảo, gà Hồ, gà Ta vang,…

 - Ảnh hoặc tranh vẽ, mơ hình, vật nhồi hoặc vật nuôi thật một số giống lợn Ỉ, lợn Móng Cái, lợn Lanđơrat, lợn Đại Bạch, lợn Ba xuyên, lợn Thuộc Nhiêu.

 2. Quy trình thực hành:

 Quan sát đặc điểm ngoại hình:

 a. Các giống gà: Nhận xét ngoại hình.

 + Hình dạng toàn thân:

 Loại hình sản xuất trứng.

 Loại hình sản xuất thịt.

 + Màu sắc lông, da:

 + Các đặc điểm nổi bật như: mào, tích, tai, chân…

 b. Các giống lợn:

 + Hình dạng chung:

 Hình dạng.

 Đặc điểm: mông, đầu, lưng, chân…

 + Màu sắc lông, da:

1. Thực hành:

|  |  |
| --- | --- |
| **Giống vật nuôi** | **Đặc điểm quan sát** |
|
| gà Ri |  |
| gà Lơ go |  |
| gà Đông Cảo |  |
| gà Ta vang |  |
| lợn Ỉ |  |
| lợn Móng Cái |  |
| lợn Lanđơrat |  |
| lợn Đại Bạch |  |
| lợn Ba xuyên |  |
| lợn Thuộc Nhiêu |  |

I

III. BÀI TẬP

HS hoàn thành bảng ở phần 3 bài học.

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 24:

TIẾT 29:

BÀI 37 + 38: THỨC ĂN CỦA VẬT NUÔI – VAI TRÒ CỦA THỨC ĂN CỦA VẬT NUÔI

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 A. THỨC ĂN CỦA VẬT NUÔI

 1. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi

 a. Thức ăn vật nuôi:

 Là những loại thức ăn mà vật nuôi có thể ăn được và phù hợp với đặc điểm sinh lí tiêu hóa của vật nuôi.

 b. Nguồn gốc thức ăn vật nuôi:

 Thức ăn vật nuôi có nguồn gốc từ: thực vật, động vật và từ chất khoáng.

 2. Thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi:

Trong thức ăn vật nuôi có nước và chất khô.Phần chất khô của thức ăn có: protein, lipit, gluxit, khoáng, vitamin.

 Tùy loại thức ăn mà thành phần và tỉ lệ các chất dinh dưỡng khác nhau.

 B. VAI TRÒ CỦA THỨC ĂN ĐỐI VỚI VẬT NUÔI

 1. Thức ăn được tiêu hóa và hấp thụ như thế nào?

Sau khi được vật nuôi tiêu hóa, các chất dinh dưỡng trong thức ăn được cơ thể hấp thụ để tạo ra sản phẩm cho chăn nuôi như thịt, sữa, trứng, lông và cung cấp năng lượng làm việc,…

 2. Vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi :

 - Thức ăn cung cấp năng lượng cho vật nuôi hoạt động và phát triển.

 - Thức ăn cung cấp các chất dinh dưỡng cho vật nuôi lớn lên và tạo ra sản phẩm chăn nuôi như: thịt, trứng, sữa. Thức ăn cung cấp chất dinh dưỡng cho vật nuôi tạo ra lông, sừng móng.

 II. BÀI TẬP

HS trả lời câu hỏi 1, 2/trang 101 và câu hỏi 1, 2/trang 103 SGK.

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 25:

TIẾT 30:

BÀI 39 + 40: CHẾ BIẾN VÀ DỰ TRỮ THỨC ĂN CHO VẬT NUÔI – SẢN XUẤT THỨC ĂNVẬT NUÔI

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 A. CHẾ BIẾN VÀ DỰ TRỮ THỨC ĂN CHO VẬT NUÔI

 1. Mục đích của chế biến và dự trữ thức ăn:

 a. Chế biến thức ăn: Tăng mùi vị, tăng tính ngon miệng để vật nuôi thích ăn, ăn được nhiều, dễ tiêu hóa, làm giảm bớt khối lượng, làm giảm độ thô cứng và khử bỏ các chất độc hại.

 b. Dự trữ thức ăn: Nhằm giữ thức ăn lâu hỏng và để luôn có đủ nguồn thức ăn cho vật nuôi.

 2. Các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn:

 a. Các phương pháp chế biến thức ăn: Có nhiều cách chế biến thức ăn vật nuôi như: cắt ngắn, nghiền nhỏ, rang, hấp, nấu chín, đường hóa, kiềm hóa, ủ lên men và tạo thành thức ăn hỗn hợp.

 b. Một số phương pháp dự trữ thức ăn: Thức ăn vật nuôi được dự trữ bằng phương pháp làm khô hoặc ủ xanh.

 B. SẢN XUẤT THỨC ĂN VẬT NUÔI

 1. Phân loại thức ăn:

 Dựa vào thành phần dinh dưỡng của thức ăn người ta chia thức ăn thành 3 loại:

 - Thức ăn có hàm lượng protein > 14% gọi là thức ăn giàu protein.

 - Thức ăn có hàm lượng gluxit > 50% gọi là thức ăn giàu gluxit.

- Thức ăn có hàm lượng xơ > 30% gọi là thức ăn thô.

 2. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu protein:

 Có các phương pháp như:

 - Chế biến sản phẩm nghề cá.

 - Nuôi giun đất.

- Trồng xen, tăng vụ cây họ Đậu.

 3. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu gluxit và thức ăn thô xanh:

- Sản xuất thức ăn giàu gluxit bằng cách luân canh, gối vụ để sản xuất ra thêm nhiều lúa, ngô, khoai, sắn.

 - Sản xuất thức ăn thô xanh bằng cách tận dụng đất vườn, rừng, bờ mương để trồng nhiều loại cỏ, rau xanh cho vật nuôi.

 II. BÀI TẬP

HS trả lời câu hỏi 1 🡪 2/trang 106 và câu hỏi 1, 2/trang 109 SGK.

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 25:

TIẾT 31: ÔN TẬP

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 Ôn tập nội dung bài học từ tiết 20 đến tiết 31.

 II. BÀI TẬP

 HS trả lời các câu hỏi sau:

 Câu 1: Dùng các biện pháp nào để bảo vệ tài nguyên rừng và đất rừng?

Câu 2:Trồng cây xanh và trồng rừng ở vùng thành phố và ở khu công nghiệp để nhằm mục đích gì?

Câu 3: Chọn phối là gì? Em hãy lấy ví dụ về chọn phối cùng giống và chọn phối khác giống?

Câu 4: Thức ăn được vật nuôi tiêu hóa như thế nào? Nêu các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn?

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 26:

TIẾT 32: KIỂM TRA MỘT TIẾT (Thực hiện tại lớp)

TUẦN 26:

TIẾT 33:

BÀI 44 + 45 +46: NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1. Chuồng nuôi

- Chuồng nuôi phù hợp sẽ bảo vệ sức khỏe vật nuôi, góp phần nâng cao năng suất vật nuôi.



- Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh

+ Nhiệt độ thích hợp.

+ Độ ẩm: 60-75%.

+ Độ thông thoáng tốt.

+ Độ chiếu sáng thích hợp.

+ Không khí ít khí độc.

2. Vệ sinh phòng bệnh

- Mục đích: để phòng ngừa bệnh dịch xảy ra, bảo vệ sức khỏe vật nuôi và nâng cao năng suất chăn nuôi.

- Các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi:

+ Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi: Khí hậu chuồng, xây dựng chuồng nuôi, nước ( uống, tắm ), thức ăn.

+ Vệ sinh thân thể vật nuôi: Tắm nắng, vận động, tắm chải.

3. Chăn nuôi vật nuôi non

a/ Một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non

- Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh

- Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh

- Chức năng miễn dịch chưa tốt

b/ Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non

- Nuôi vật nuôi mẹ tốt

- Giữ ấm cho cơ thể , cho bú sữa đầu

- Tập cho vật nuôi non ăn sớm

- Cho vật nuôi non vận động, giữ vệ sinh , phòng bệnh cho vật nuôi non .

4. Phòng trị bệnh cho vật nuôi

- Vật nuôi bị bệnh khi có sự rối loạn các chức năng sinh lí trong cơ thể do tác động của các yếu tố gây bệnh .

- Bệnh có 2 loại :

+ Bệnh truyền nhiễm .

+ Bệnh không truyền nhiễm .

- Những biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi

+ Chăm sóc chu đáo từng loại vật nuôi.

+ Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin.

+ Cho vật nuôi ăn đủ các chất dinh dưỡng.

+ Vệ sinh môi trường sạch sẽ.

+ Khi có dấu hiệu bị bệnh báo ngay cán bộ thú y.

II. BÀI TẬP

1. HS làm trả lời câu hỏi 1/trang 118 SGK

1. HS làm trả lời câu hỏi 1/trang 121 SGK
2. HS làm trả lời câu hỏi 1,3/trang 122 SGK

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 27:

TIẾT 34:

BÀI 49: VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA NUÔI THỦY SẢN

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1. Vai trò của nuôi thủy sản

 Có 4 vai trò :

 - Cung cấp thực phẩm cho con người.

 - Cung cấp nguyên liệu xuất khẩu.

- Làm sạch môi trường nước.

- Cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi .

2. Nhiệm vụ của nuôi thủy sản ở nước ta

 Có 3 nhiệm vụ chính

- Khai thác tối đa tiềm năng về mặt nước và giống nuôi.

- Cung cấp thực phẩm tươi sạch cho tiêu dùng và xuất khẩu.

- Ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến vào nuôi thủy sản.

II. BÀI TẬP

HS làm trả lời câu hỏi 1, 2/trang 132 SGK

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 27:

TIẾT 35:

BÀI 50 + 51: MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1. Đặc điểm của nước nuôi thủy sản

 - Có khả năng hòa tan các chất hữu cơ và vô cơ

- Có khả năng điều hòa chế độ nhiệt độ của nước .

- Thành phần oxi thấp và Cacbonic cao.

2. Tính chất của nước nuôi thủy sản

a/ Tính chất lí học

 - Nhiệt độ:

+ Nhiệt độ có ảnh hưởng đến tiêu hóa, hô hấp và sinh sản của tôm, cá. Mỗi loài cá tôm đều thích ứng ở nhiệt độ nhất định.

+ Nhiệt độ giới hạn chung cho tôm là: 250C- 350C, cá là: 200C- 300C.

- Độ trong:

 + Độ trong được xác định bới mức độ ánh sáng xuyên qua mặt nước.

+ Độ trong tốt nhất là 20-30cm.

 - Màu nước:

+ Màu nõn chuối hoặc xanh lục: nước màu này có nhiều thức ăn.

+ Nước có màu tro đục. xanh đồng: nước màu này ít thức ăn.

+ Nước có màu đen. Mùi thối: có nhiều khí độc.

 - Sự chuyển động của nước: Có 3 hình thức chuyển động là sóng, đối lưu, dòng chảy.

b/ Tính chất hóa học

- Các chất khí hòa tan: Có nhiều loại khí hòa tan, trong đó khí O2 và khí CO2 ảnh hưởng trực tiếp đến tôm, cá nhiều nhất.

- Các muối hòa tan: (đạm, lân, sắt.. ) sinh ra do sự phân hủy các chất hữu cơ, do nước mưa và nguồn phân bón.

- Độ pH: thích hợp cho tôm, cá là từ 6 đến 9.

c/ Tính chất sinh học

Trong các vùng nước nuôi thủy sản có rất nhiều sinh vật sống như thực vật phù du, thực vật đáy, động vật phù du và động vật đáy.

3. Biện pháp cải tạo nước và đáy ao

- Cải tạo nước ao

- Cải tạo đáy ao

4. Quy trình thực hành xác định nhiệt độ, độ trong và độ pH của nước nuôi thủy sản

- Chuẩn bị mẫu nước và các dụng cụ cần thiết:

 + Nhiệt kế.

 + Đĩa sếch xi.

 + Thang màu pH chuẩn.

 + 2 thùng nhựa đựng nước nuôi cá có chiều cao tối thiểu là 60 – 70cm. đường kính thùng 30cm.

 + Giấy đo pH.

 a/ Đo nhiệt độ nước

 - Bước 1: Nhúng nhiệt kế vào nước để khoảng 5 đến 10 phút.

 - Bước 2: Nâng nhiệt kế khỏi nước và đọc ngay kết quả.

 b/ Đo độ trong

 - Bước 1: Thả từ từ đĩa sếch xi xuống nước cho đến khi không thấy vạch đen, trắng (hoặc xanh, trắng) và ghi độ sâu của đĩa (cm).

 - Bước 2: Thả đĩa xuống sâu hơn, rồi kéo lên đến khi thấy vạch đen, trắng (hoặc trắng, xanh), ghi lại độ sâu của đĩa.

 Kết quả độ trong sẽ là số trung bình của hai bước đó.

 c/ Đo độ pH bằng phương pháp đơn giản

- Bước 1: Nhúng giấy đo pH vào nước hoảng 1 phút.

- Bước 2: Đưa lên so sánh với thang màu pH chuẩn. Nếu trùng màu nào thì nước có độ pH tương đương với pH của màu đó.

II. BÀI TẬP

HS làm trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4/trang 137 SGK

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 28:

TIẾT 36:

BÀI 52 + 53: THỨC ĂN CỦA ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1. Những loại thức ăn của tôm, cá

a/ Thức ăn tự nhiên

- Thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong nước, rất giàu dinh dưỡng.

- Thức ăn tự nhiên bao gồm: vi khuẩn, thực vật thủy sinh động vật phù du, động vật đáy và mùn bã hữu cơ.

b/ Thức ăn nhân tạo

- Là những thức ăn do con người tạo ra để cung cấp trực tiếp cho tôm, cá.

- Có 3 nhóm:

+ Thức ăn tinh

+ Thức ăn thô

+ Thức ăn hỗn hợp

2. Quan hệ về thức ăn



3. Quan sát để nhận biết các loại thức ăn của động vật thủy sản

Chuẩn bị:

- Kính hiển vi, lọ đựng mẫu nước có chứa sinh vật phù du, lam kính, la men…

 - Các mẫu thức ăn như: bột ngũ cốc, trai, ốc, hến… được gói trong túi ni lông và có ghi tên từng loại.

Quy trình thực hành:

- Bước 1: Quan sát tiêu bản thức ăn dưới kính hiển vi (15 x 8) từ 3 đến 5 lần.

- Bước 2: Quan sát các mẫu thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo của tôm, cá.

- Bước 3: quan sát hình vẽ và các mẫu vật thức ăn để tìm thấy sự khác biệt của 2 nhóm thức ăn.

II. BÀI TẬP

HS làm trả lời câu hỏi 1, 2, 3/trang 143 SGK

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 28:

TIẾT 37:

BÀI 54 + 56: CHĂM SÓC, QUẢN LÝ, PHÒNG TRỊ BỆNH CHO ĐỘNG VẬT THỦY SẢN (TÔM, CÁ). BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

1. Chăm sóc tôm, cá

a/ Thời gian cho ăn

 Buổi sáng lúc 7 – 8 giờ. Lượng phân bón và thức ăn nên tập trung vào mùa xuân và các tháng 8 – 11.

b/ Cho ăn

- Thức ăn tinh và xanh thì phải có máng ăn và giàn ăn.

- Phân xanh (phân dầm) bó thành từng bó (khoảng 15-20kg/bó) dìm xuống nước.

- Phân chuồng đã hoai mục và phân vô cơ hòa tan trong nước rồi té đều khắp ao... **2.** 2.Một số phương pháp phòng và trị bệnh cho tôm, cá

a/ Phòng bệnh

- Mục đích: Là tạo điều kiện cho tôm, cá khỏe mạnh, sinh trưởng và phát triển bình thường.

- Biện pháp:

+ Thiết kế ao nuôi hợp lý.

+ Tẩy và dọn ao trước khi cho ăn, thả tôm, cá.

+ Cho tôm, cá ăn đầy đủ.

+ Kiểm tra môi trường nước.

+ Dùng thuốc phòng bệnh.

b/ Chữa bệnh

- Mục đích: Dùng thuốc để tiêu diệt những tác nhân gây bệnh cho tôm, cá đảm bảo cho cá khỏe mạnh trở lại, sinh trưởng và phát triển bình thường.

- Một số thuốc thường dùng:

+ Hóa chất: vôi, thuốc tím.

+ Tân dược: Sunfamit, Ampicilin.

+ Thảo mộc: tỏi, cây thuốc cá.

3. Một số biện pháp bảo vệ môi trường

 - Các phương pháp xử lí nguồn nước:

 + Lắng (lọc)

 + Dùng hóa chất.

+ Nếu khi đang nuôi tôm, cá mà môi trường bị ô nhiễm, có thể xử lí:

 Ngừng cho ăn, tăng cường sục khí.

 Tháo bớt nước cũ và cho thêm nước sạch.

 Nếu bị ô nhiễm nặng phải đánh bắt tôm, cá và xử lí nguồn nước.

- Quản lí: Bao gồm các biện pháp sau

+ Ngăn cấm hủy hoại các sinh cảnh đặc trưng, bãi đẻ, nơi sinh sống của động vật đáy.

+ Quy định nồng độ tối đa của hóa chất, chất độc có trong môi trường thủy sản.

+ Sử dụng phân hữu cơ đã ủ hoặc phân vi sinh, thuốc trừ sâu hợp lí.

 4. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Tận dụng tối đa diện tích mặt nước.
- Cải tiến và nâng cao các biện pháp kĩ thuật nuôi thủy sản.
- Nên chọn những giống mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Có biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.



II. BÀI TẬP

1. HS làm trả lời câu hỏi 1, 3/trang 148 SGK

2. HS làm trả lời câu hỏi 2, 5/trang 154 SGK

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 7/......  |

TUẦN 29:

TIẾT 38: ÔN TẬP

 I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC

 HS ôn tập kiến thức đã học từ tiết đến tiết 37.

II. BÀI TẬP

Câu 1: Tại sao phải chăm sóc rừng sau khi trồng? Chăm sóc rừng sau khi trồng gồm những công việc gì?

Câu 2: Chăn nuôi có vai trò gì trong nền kinh tế nước ta? Cho ví dụ?

Câu 3: Em hãy nêu một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non? Nêu các biện pháp kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc phù hợp với vật nuôi non?

Câu 4: Tại sao phải bảo vệ rừng? Dùng các biện pháp nào để bảo vệ rừng?

Câu 5:Giống vật nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi? Nêu 1 số phương pháp chọn giống vật nuôi?

 III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

TUẦN 29:

TIẾT 39: KIỂM TRA HỌC KÌ II